



**BSC WEEKLY REVIEW**  
**Tuần 20 (15/05-19/05/23)**

*Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài  
tại Việt Nam*

# NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh chốt lãi từng phần khi VN-Index tiến đến vùng kháng cự*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Diễn biến dòng tiền*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV hút ròng*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vượt qua các đường SMA và hướng về cản tại 1,080 – 1,100 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *NHNN sẽ cân nhắc giảm lãi suất điều hành*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính +5.54%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

# CHIẾN THUẬT TUẦN: *Canh chốt lãi từng phần khi VN-Index tiến đến vùng kháng cự*

|                        | Điểm số        | Thay đổi (%) |
|------------------------|----------------|--------------|
| <b>VN-INDEX</b>        | <b>1066.90</b> | <b>2.56%</b> |
| GTGD/phiên<br>(tỷ VND) | 9,771.67       | 21.78%       |
| Khối ngoại<br>(tỷ VND) | -144.71        |              |
| <b>HNX-INDEX</b>       | <b>215.10</b>  | <b>3.51%</b> |
| GTGD/phiên<br>(tỷ VND) | 1467.13        | 31.80%       |
| Khối ngoại<br>(tỷ VND) | -4.14          |              |

| TTCK                | Điểm số  | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|---------------------|----------|--------|--------|---------|
| US (S&P500)         | 4124.08  | -0.16% | -0.29% | -0.33%  |
| EU (EURO STOXX)     | 4317.88  | 0.19%  | -0.52% | -1.66%  |
| China (SHCOMP)      | 3272.36  | -1.12% | -1.86% | -1.24%  |
| Japan (NIKKEI)      | 29388.30 | 0.90%  | 0.79%  | 5.25%   |
| Korea (KOSPI)       | 2475.42  | -0.63% | -1.02% | -2.95%  |
| Singapore (STI)     | 3208.55  | -0.65% | -1.78% | -2.61%  |
| Thailand (SET)      | 1561.35  | -0.39% | 1.83%  | -1.00%  |
| Phillipines (PCOMP) | 6578.15  | -1.46% | -1.61% | 1.68%   |
| Malaysia (KLCI)     | 1422.92  | -0.16% | -0.57% | -0.36%  |
| Indonesia (JCI)     | 6707.76  | -0.71% | -1.18% | -1.64%  |
| Vietnam (VNIndex)   | 1066.90  | 0.93%  | 2.56%  | -0.24%  |

| HĐTL      | Điểm số | ± Basis | GTGD* /<br>phiên | HĐM^ /<br>phiên |
|-----------|---------|---------|------------------|-----------------|
| VN30F2312 | 1056.90 | -0.89%  | 15,156           | 49,060          |
| VN30F2305 | 1064.90 | -0.14%  | 113              | 4,812           |
| VN30F2306 | 1060.00 | -0.60%  | 5                | 296             |
| VN30F2309 | 1057.10 | -0.88%  | 3                | 94              |

## TTCK VIỆT NAM

### *Chuyển biến tích cực nhờ thông tin quỹ ngoại tiếp tục rót vốn*

Thông tin quỹ China Trust Vietnam Opportunity dự kiến huy động dự kiến khoảng 163 triệu USD và NHNN xem xét hạ lãi suất đã giúp thị trường bật tăng mạnh từ vùng giá thấp. VN-Index tăng 2.6%, mức tăng trên diện rộng từ 70% cổ phiếu và 14/19 ngành tăng điểm. Nếu như sự tăng giá của các cổ phiếu vừa và nhỏ trong vài tuần gần đây không ảnh hưởng đến chỉ số thì sự quay lại của các cổ phiếu lớn ngành ngân hàng và bất động sản là động lực quan trọng giúp chỉ số vượt qua các ngưỡng cản nhanh chóng. Thanh khoản cải thiện nhưng tăng chậm vẫn cho thấy tâm lý cẩn trọng của NĐT. Tuần tới VN-Index sẽ tiếp tục tăng trong nghi ngờ và hướng về 1,080 – 1,100 điểm vùng giá trên của kênh tích lũy từ đầu năm. NĐT có thể cân nhắc chốt lãi từng phần ở các nhịp tăng giá mạnh để có thể chủ động hơn cho hoạt động trading ngắn hạn khi hoạt động mua vào của Quỹ bảo hòa. Trong cuộc họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội thứ 23, Ủy ban kinh tế Quốc hội đề nghị Chính phủ kiên trì mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng cường năng lực thích ứng, chống chịu của hệ thống tài chính, ngân hàng. Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản. Cơ quan này cũng kiến nghị Chính phủ tiếp tục xem xét hạ lãi suất điều hành hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh áp lực lạm phát, tỷ giá không căng thẳng như cuối năm 2022. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, 3 chương trình mục tiêu quốc gia; các công trình trọng điểm quốc gia có tác động lan tỏa lớn. Kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và tháo gỡ thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa. Cuộc họp này diễn ra trước kỳ họp Quốc hội khai mạc 22/5 tới đây.

## TTCK THẾ GIỚI

### *Các thị trường tiếp tục giằng co với các thông tin trái chiều*

TTCK Hoa Kỳ tiếp tục ở thế giằng co. Chỉ số Dow Jones có liên tiếp 4 phiên giảm trong khi các chỉ số khác vẫn giữ sắc xanh nhẹ. Thông tin tích cực về lạm phát không lấn át được lo ngại khủng hoảng tại các ngân hàng khu vực. Ngân hàng PacWest Bancorp tiếp tục là tâm điểm khi giảm 30% trước khi tạm ngừng giao dịch do khách hàng rút 9.5% tiền gửi chỉ trong 1 tuần. Chỉ số CK Châu Âu tăng nhẹ với mức 0.3% của EU600. Tương tự TTCK Châu Á phân hóa, TTCK Nhật Bản vẫn tăng tốt, kéo dài dài đà tăng 4.3% trong nửa đầu tháng 5. Sau tuần tăng mạnh chỉ số hàng hóa đã chững lại với mức tăng nhẹ 0.5%. Giá dầu và các kim loại quý giảm nhẹ trở lại cân bằng của chỉ số hàng hóa trong bối cảnh DXY tăng tốt 0.9%. Cuộc khủng hoảng của các bank địa phương chưa kết thúc và còn tác tâm lý thị trường trong bối cảnh kinh tế và tác động lãi suất chưa rõ ràng.

CPI Hoa Kỳ tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 4, theo đó CPI và CPI lõi cùng tăng 0.4% tháng trước và ghi nhận mức tăng 4.9%yoy và 5.5%yoy. CPI tương đồng dự báo các chuyên gia và đã giảm đáng kể so mức đỉnh 9% vào tháng 6/2022 nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của FED. Ngoài ra chỉ số sản xuất PPI chỉ tăng 0.2% trong tháng 4 và số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng lên 264 nghìn đơn, mức cao nhất kể từ tháng 10/2021, là những yếu tố đang củng cố cho khả năng FED sẽ không tăng lãi suất tại kỳ họp 13-14/6 tới đây sau khi đã tăng lãi suất 10 lần lên mức cao nhất trong 16 năm. Ngoài quan tâm lãi suất, Hoa Kỳ đang còn mối lo ngắn hạn về trần nợ quốc gia. Bộ trưởng tài chính Hoa kỳ cũng cảnh báo về “thảm họa kinh tế” nếu không nâng trần nợ. Chính phủ chỉ còn đủ tiền chi trả đến đầu tháng 6 trong khi cuộc họp giữa 2 đảng gần đây không có đột phá.

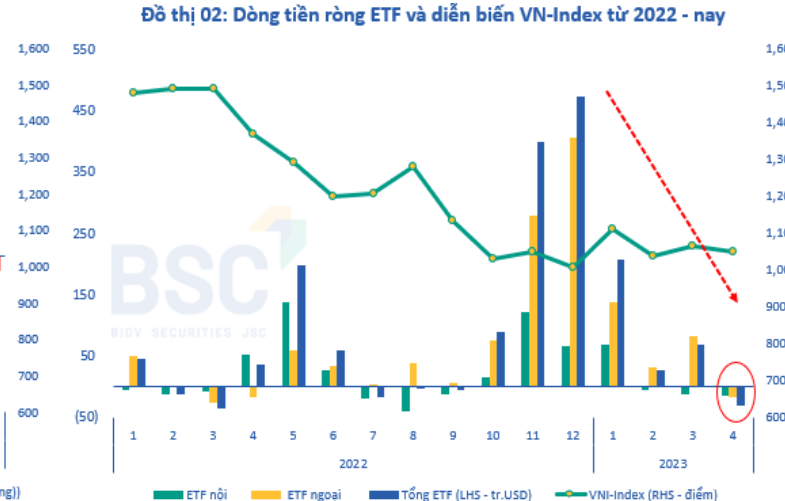
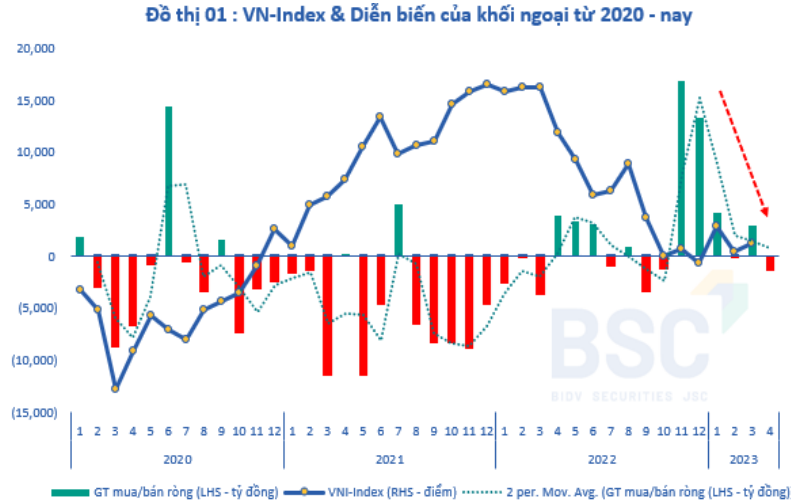
**Chú thích:** \* tỷ VNĐ

^ hợp đồng

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam là một trong những yếu tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Dòng vốn này thông thường được đánh giá trên các thị trường chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu), các hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A). Mới đây, quỹ China Trust Vietnam Opportunity (thuộc CTBC Investment) sẽ huy động vốn lần thứ 5 với giá trị khoảng 5 tỷ Đài tệ ~ 3,824 tỷ đồng để đầu tư vào TTCK Việt Nam – đây là tín hiệu cho thấy sự lạc quan đang quay trở lại sau thời gian dài trầm lắng và liên tục rút ròng của dòng tiền nước ngoài.

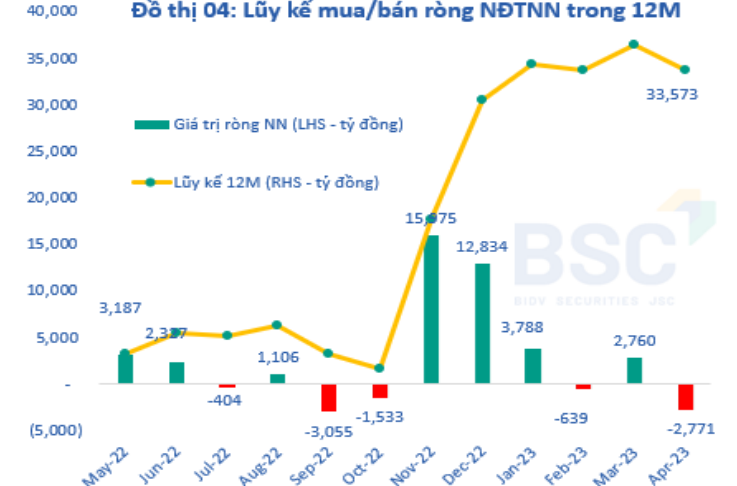
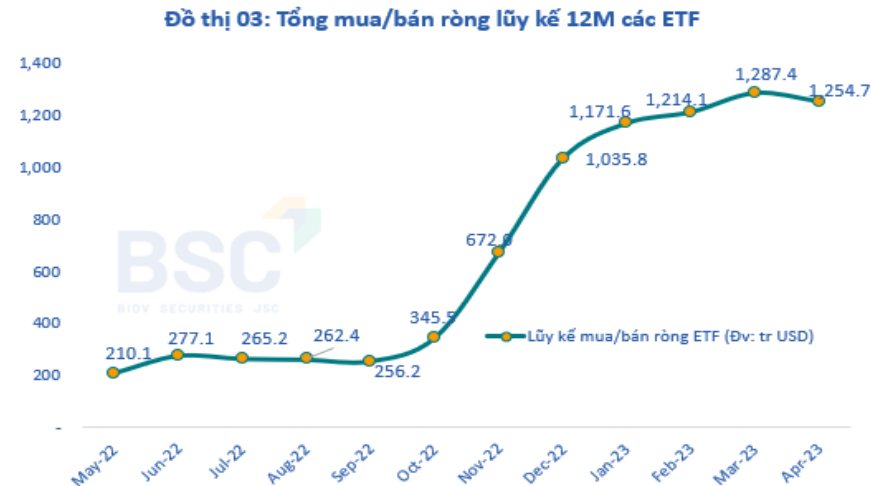
## 1. Thị trường cổ phiếu



Khối ngoại mua ròng mạnh mẽ trở lại kể từ thời điểm T11/2022 và kéo dài cho đến hết Quý 1/2023. Tính trong 12 tháng gần nhất, khối ngoại đã mua ròng lũy kế 33,573 tỷ đồng và tập trung trong giai đoạn từ T11/2022 – T01/2023 – động lực chính đến từ các ETF ngoại (Fubon, Vaneck, FTSE Vietnam).

Nguồn: Bloomberg, FiinPro, BSC Research

Tuy nhiên, hoạt động mua ròng đã có dấu hiệu chững lại kể từ thời điểm T03/2023 và bắt đầu có dấu hiệu đảo chiều trong giai đoạn Quý 2. Trong T04/2023, khối ngoại đã rút ròng 1,474 tỷ đồng trên 3 sàn. Sự đảo chiều của khối ngoại xuất phát từ một số nguyên nhân trong đó có sự chậm lại trong việc gia tăng quy mô của ETF Fubon và rút ròng của ETF Vaneck, ETF Diamond. Bên cạnh đó, bối cảnh vĩ mô thế giới tiếp tục cho thấy sự thiếu chắc chắn khi cuộc khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng tại Hoa Kỳ, châu Âu chưa có dấu hiệu chấm dứt bên cạnh động thái tiếp tục nâng lãi suất điều hành của FED, ECB – điều này khiến tâm lý NĐTNN trở nên thận trọng hơn mặc dù Chính phủ, NHNN đã ban hành nhiều chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế.



Nguồn: Bloomberg, FiinPro, BSC Research

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

ETF Fubon dự kiến sẽ gia tăng thêm 100tr USD trong thời gian tới tuy nhiên tốc độ gia tăng rất chậm trong tháng 04, thậm chí quỹ này còn bị rút ròng nhẹ vào tuần đầu của tháng. Điều này cho thấy động lực khối ngoại đến từ ETF Fubon đang suy yếu, trong khi đó các ETF còn lại chưa cho thấy xu hướng khả quan. Ở chiều ngược lại các ETF nội (Diamond, E1) đang cho thấy xu hướng rút ròng nhẹ bắt đầu từ T02/2023. Diễn biến đảo ngược trạng thái ở quy mô lớn của các ETF lớn có thể ảnh hưởng đến thị trường cũng như xu hướng dòng tiền khối ngoại trên thị trường cổ phiếu.

**Bảng 01: Diễn biến một số ETF chính trên TTCK Việt Nam trong 2023 (theo tuần)**

|           | Jan-23 |       |       |       |       |       |         | Mar-23 |         |        |        |        |        |        |        |        | May-23  |         |         |        |
|-----------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|---------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|--------|
|           | W1     | W2    | W3    | W4    | W5    | W6    | W7      | W8     | W9      | W10    | W11    | W12    | W13    | W14    | W15    | W16    | W17     | W18     | W19     | Tổng   |
|           | 79.18  | 61.48 | 94.85 | 13.93 | 65.02 | 15.39 | 4.01    | (9.31) | (5.97)  | 7.24   | 16.43  | 30.15  | 16.53  | 3.86   | (5.40) | (0.51) | (30.73) | (31.16) | (16.97) | 308.02 |
| ETF ngoại | 71.96  | 40.89 | 77.56 | 10.65 | 46.77 | 15.39 | (1.69)  | (7.95) | 5.38    | 8.24   | 24.01  | 35.68  | 20.38  | 4.16   | 0.89   | 0.10   | (23.28) | (31.16) | (8.27)  | 289.71 |
| Fubon     | 1.48   | -     | -     | -     | -     | -     | -       | -      | -       | -      | 17.81  | 32.21  | 14.88  | (0.94) | 0.18   | 3.86   | 0.73    | 0.36    | 1.10    | 71.67  |
| VNM       | 19.48  | 30.72 | 35.29 | 0.00  | 3.11  | 0.00  | 0.59    | 0.00   | 1.15    | 4.00   | 0.00   | 0.00   | 0.00   | 0.00   | (1.85) | (4.82) | (18.46) | (1.20)  | (4.26)  | 63.75  |
| FTSE      | 6.31   | 2.40  | 14.58 | -     | 4.33  | 8.90  | 10.47   | 0.90   | 4.23    | 4.24   | -      | (3.89) | 0.52   | -      | 2.56   | 1.06   | 0.77    | 0.00    | 0.00    | 57.38  |
| iShare    | 44.69  | 7.77  | 27.69 | 10.65 | 39.33 | 6.49  | (12.75) | (8.85) | -       | -      | 6.20   | 7.36   | 4.98   | 5.10   | 0.00   | 0.00   | (6.32)  | (30.32) | (5.11)  | 96.91  |
| ETF nội   | 7.22   | 20.59 | 17.29 | 3.28  | 18.25 | -     | 5.70    | (1.36) | (11.35) | (1.00) | (7.58) | (5.53) | (3.85) | (0.30) | (6.29) | (0.61) | (7.45)  | -       | (8.70)  | 18.31  |
| Diamond   | 3.44   | 8.34  | 3.90  | 1.24  | 14.87 | -     | -       | -      | (5.89)  | (1.10) | (2.74) | (3.00) | (3.00) | (0.10) | (6.16) | (0.29) | (5.00)  | -       | (1.89)  | 2.62   |
| E1        | 1.60   | 7.97  | 13.39 | 2.04  | 3.38  | -     | 5.70    | (1.55) | (4.07)  | 0.82   | (4.06) | (1.10) | 0.50   | (0.55) | 0.08   | 0.08   | (1.51)  | -       | (6.88)  | 15.84  |
| Finlead   | 2.18   | 4.28  | -     | -     | -     | -     | -       | 0.19   | (1.39)  | (0.72) | (0.78) | (1.43) | (1.35) | 0.35   | (0.21) | (0.40) | (0.94)  | -       | 0.07    | (0.15) |

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*

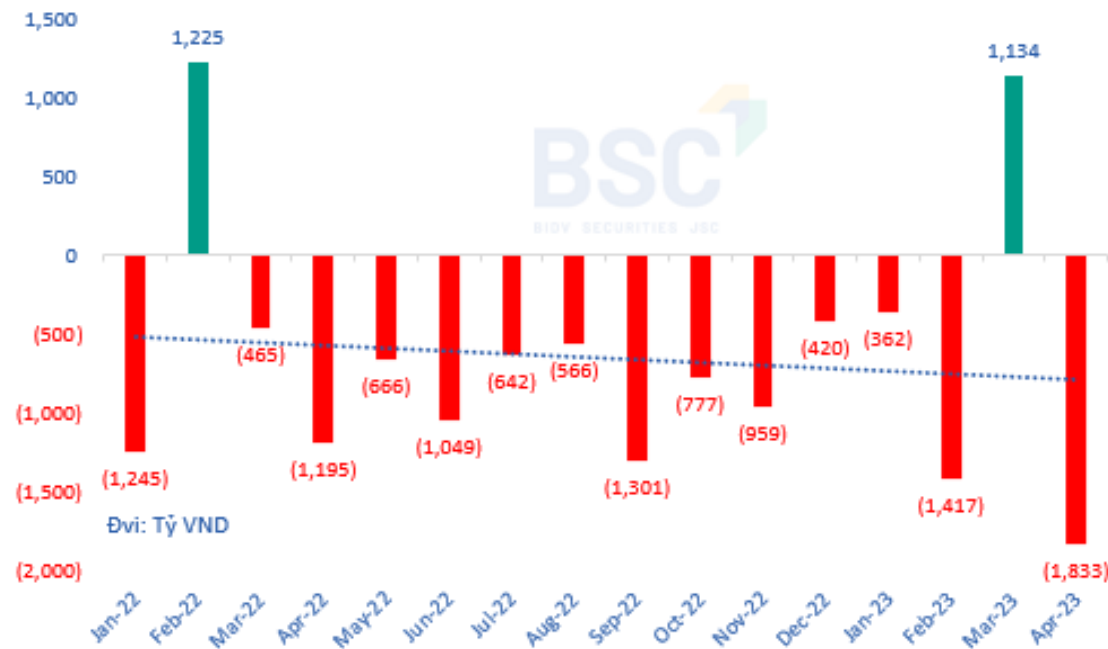
Tuy nhiên với lần huy động vốn thứ 5 của Quỹ CTBC Việt Nam với quy mô gần 4,000 tỷ đồng sẽ có thể là động lực để khối ngoại quay trở lại mua ròng trên TTCK Việt Nam bên cạnh khả năng ETF Fubon giao dịch tích cực trở lại.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

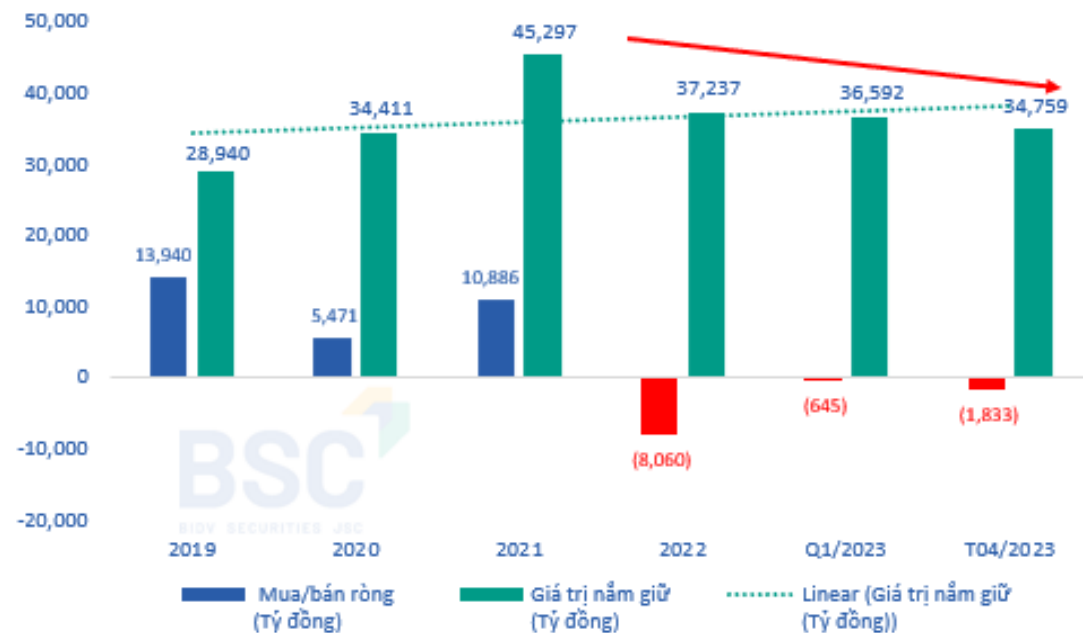
## 2. Thị trường trái phiếu chính phủ thứ cấp

Trong Quý 1/2023, tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài giảm mạnh, trong đó, giá trị giao dịch mua đạt 2,130 tỷ đồng và giá trị giao dịch bán đạt 996 tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chiếm 1.84% giá trị giao dịch toàn thị trường. Khối ngoại chuyển từ trạng thái bán ròng trong suốt 12 tháng sang mua ròng 1,134 tỷ đồng trong tháng 3, tập trung mua ròng mạnh nhất ở kỳ hạn 3 – 5 năm và 5 – 7 năm. Tuy nhiên, kỳ hạn 10 – 15 năm bán ròng lên tới 581 tỷ đồng.

Đồ thị 05: Diễn biến khối ngoại trên thị trường TPCP thứ cấp



Đồ thị 06: Hoạt động NĐTNN trên thị trường TPCP từ 2019-Q1/2023



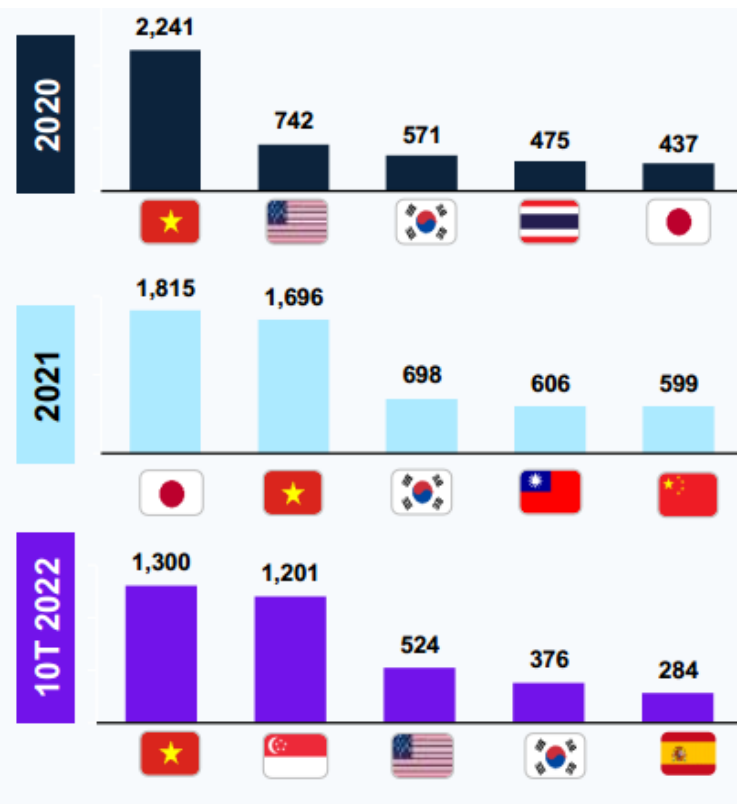
Nguồn: VBMA, HNX, BSC Research

Từ ngày 01/04 – 05/05/2023, khối ngoại tiếp tục bán ròng 1,833 tỷ đồng trên thị trường TPCP thứ cấp – tiếp tục xu hướng bán ròng trên thị trường này. Bán ròng là xu hướng chủ đạo của khối ngoại trên thị trường TPCP thứ cấp trong giai đoạn vừa qua và có thể sẽ tiếp tục xu hướng này trong thời gian tới khi NHNN đang dự kiến tiếp tục hạ LSHH trong khi đó FED, ECB và các NHTW lớn khác vẫn đang trong quá trình thắt chặt CSTT của mình.

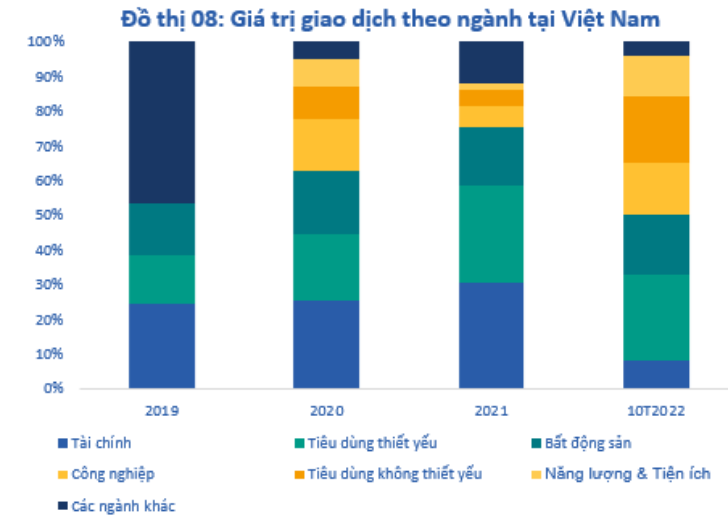
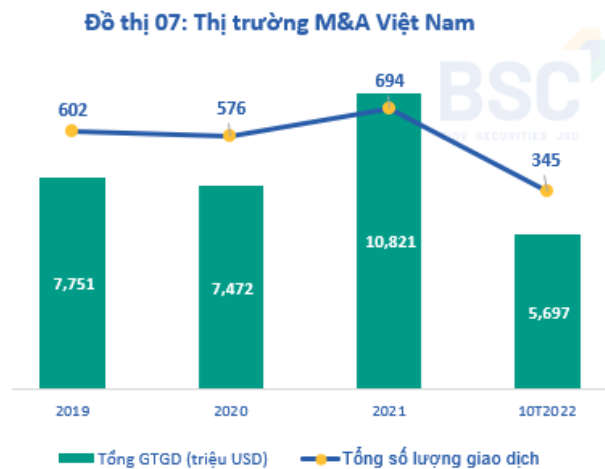
# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

## 3. Hoạt động M&A

Hình 01: Top 5 NĐT lớn nhất thị trường M&A Việt Nam



Trong năm 2022, hoạt động M&A trên thị trường Việt Nam có dấu hiệu suy giảm, cụ thể thị trường mua bán - sáp nhập (M&A) tại Việt Nam đã có phần chậm lại so với tốc độ kỷ lục vào năm 2021. Tổng giá trị giao dịch đạt 5,697 triệu USD, 345 giao dịch giảm lần lượt 47% và 50% so với 2021. Trong năm 2022, lĩnh vực Tiêu dùng, Công nghiệp và Năng lượng – Tiện ích cộng đồng quay trở lại mức cũ trong khi lĩnh vực Bất động sản tiếp tục là điểm nóng của hoạt động M&A. Ở chiều ngược lại, ngành Dịch vụ tài chính chứng kiến mức chững lại trong 10T2022 khi nhà đầu tư tập trung tại các lĩnh vực khác.



Nguồn: KPMG, BSC Research

**Về cơ cấu NĐT 2022:** hoạt động M&A năm 2022 và những năm trước đã liên tục chứng kiến những thay đổi trong xu hướng chuyển dịch dòng vốn M&A từ các nhà đầu tư nước ngoài sang các nhà đầu tư nội. Theo KPMG trong 10T2022 các doanh nghiệp Việt Nam đã quay lại dẫn đầu với giá trị các giao dịch hơn 1,3 tỉ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021 điển hình là hoạt động M&A của Masan, Thaco...

**NĐTNN giảm về số lượng tuy nhiên tăng về chất lượng:** cụ thể nhóm các nhà đầu tư ngoại như: Singapore, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Tây Ban Nha đã đóng góp đến hơn 40% tổng giá trị thương vụ 2022.

**Về lĩnh vực đầu tư:** Bất động sản, năng lượng tái tạo, hàng tiêu dùng vẫn được xem là những lĩnh vực hấp dẫn nhất đối với các giao dịch M&A. Cụ thể, theo KPMG 10T2022 lĩnh vực BĐS ghi nhận đầu tư gần 1 tỷ USD, tiêu dùng là 1.2 tỷ USD, công nghiệp là 800 triệu USD, năng lượng là 600 triệu USD (tăng gấp 6 lần so với năm 2021).

**Khẩu vị đầu tư của NĐTNN cũng khá rõ nét:** cụ thể nhà đầu tư Hàn Quốc đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, y tế, sức khỏe, nhà đầu tư Singapore lại quan tâm vào các lĩnh vực sản xuất, bất động sản, thương mại bán buôn và bán lẻ.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

Trong bối cảnh triển vọng kinh tế toàn cầu ảm đạm, tổng các thương vụ M&A trên toàn cầu trong 2022, số lượng và giá trị cũng giảm lần lượt là 34% và 39% so với năm 2021 vì vậy, có thể thấy rằng 2022 vẫn là một trong những năm khởi sắc nhất của thị trường M&A tại Việt Nam trong bối cảnh khó khăn của thế giới.

Một số tín hiệu cho thấy mặc dù thị trường tài chính quốc tế hiện còn nhiều biến động khó lường nhưng nhà đầu tư ngoại, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore, đang chấp nhận khẩu vị rủi ro cao hơn đối với thị trường Việt Nam trong giai đoạn gần đây. Khẩu vị của dòng vốn nước ngoài cũng đang dần chuyển từ số lượng sang chất lượng. Một số thương vụ nổi tiếng có thể kể đến trong thời gian qua như:

- Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC, Nhật Bản) chi 1,5 tỷ USD mua 15% cổ phần phát hành riêng lẻ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) vào cuối T03/2023. Đánh dấu thương vụ M&A lớn nhất ngành ngân hàng Việt Nam từ trước đến nay.
- Ngân hàng UOB (Singapore) thông báo đã hoàn tất việc mua lại mảng ngân hàng bán lẻ và thẻ tín dụng khách hàng cá nhân của tập đoàn Citigroup (Mỹ) tại Việt Nam
- Theo Reuters tập đoàn CapitaLand (Singapore) đang xem xét mua lại một phần dự án của Vinhomes với giá trị khoảng 1,5 tỷ USD – nếu thành công đây sẽ là một trong những thương vụ M&A bất động sản lớn nhất Đông Nam Á trong vài năm gần đây

**Bảng 02: Một số giao dịch M&A đáng chú ý trong 2022**

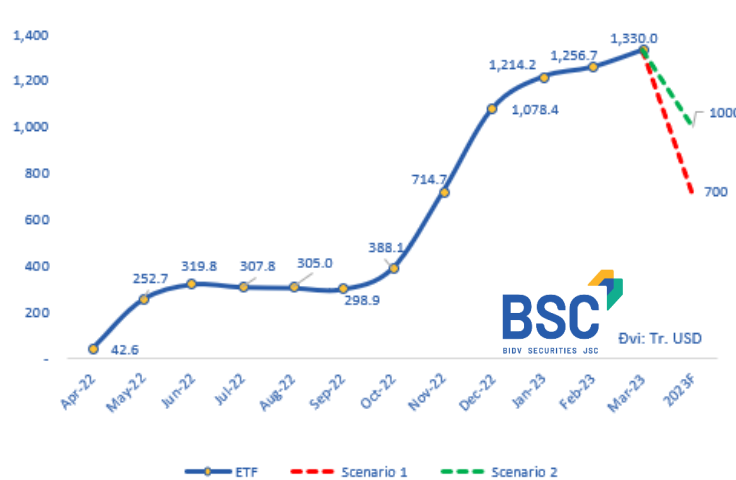
| Nội dung                                                                                                                                                                                                                       | Giá trị<br>(Triệu USD) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Thương vụ Capital Place, tòa nhà văn phòng hạng A nằm ở trung tâm Hà Nội (thuộc CapitalLand Invesment)                                                                                                                         | 523.4                  |
| EDP Renovaveis, S.A. (EDPR) - nhà cung cấp năng lượng tái tạo nổi tiếng có trụ sở chính tại Madrid (Tây Ban Nha) đã ký kết với Tập đoàn Xuân Thiện để mua hai dự án điện mặt trời với tổng công suất 200MW tại tỉnh Ninh Thuận | 284                    |
| Công ty TNHH Sherpa (thuộc Tập đoàn Masan) đã mua lại 85% vốn của Phúc Long Heritage                                                                                                                                           | 280                    |
| Giao dịch giữa Novaland và Warburg Pincus - tập đoàn quốc tế hàng đầu chuyên tìm kiếm cơ hội đầu tư tăng trưởng nhằm mở rộng quỹ đất và thúc đẩy các dự án trọng điểm                                                          | 250                    |

# CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tình hình dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

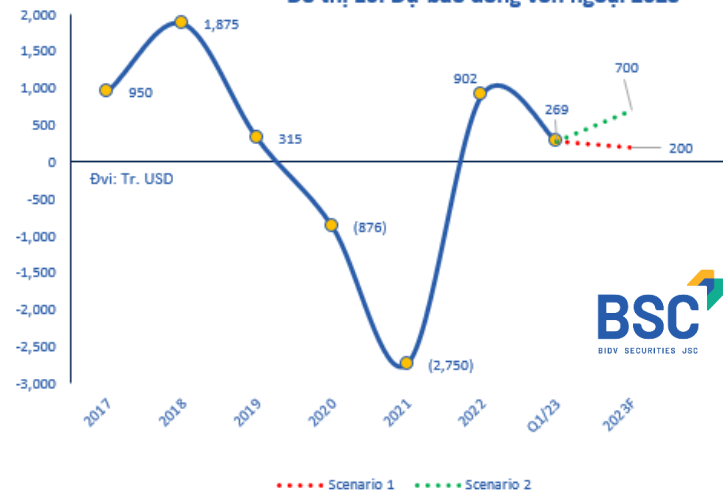
## 4. Dự báo xu hướng dòng vốn ngoại trong thời gian tới

**Hoạt động trên thị trường cổ phiếu và trái phiếu:** Dòng tiền khối ngoại có thể sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trong giai đoạn sắp tới khi các rủi ro vĩ mô thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường đặc biệt là cuộc khủng hoảng hệ thống ngân hàng tại châu Âu và Hoa Kỳ nhiều khả năng chưa dừng lại trong bối cảnh môi trường lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao sau quyết định nâng lãi suất điều hành của FED và ECB vào đầu tháng 05/2023. Thị trường có thể sẽ chứng kiến sự rút ròng của NĐTNN thông qua các ETF và hoạt động mua/bán trực tiếp trên thị trường nếu suy thoái xảy ra và các sự kiện tiêu cực tiếp tục xuất hiện, ở chiều ngược lại với sự điều chỉnh linh hoạt trong chính sách nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Chính phủ sẽ tạo tiền đề để NĐTNN tin tưởng đầu tư vào Việt Nam khi thế giới không quá bất ổn.

Đồ thị 09: Dự báo dòng tiền ETF



Đồ thị 10: Dự báo dòng vốn ngoại 2023



**Hoạt động M&A:** Theo nhiều ý kiến nhận định giai đoạn trầm lắng của nền kinh tế hiện nay được xem là thời điểm “vàng” để các doanh nghiệp trong và ngoài nước với tầm nhìn dài hạn củng cố vị thế, thâm nhập thị trường sâu hơn, sẵn sàng chinh phục các đỉnh cao mới khi bước vào chu kỳ tăng trưởng tiếp theo. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng trong nước đang tích cực tìm đối tác nước ngoài khi dự kiến trong năm nay sẽ có 4 ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc đối với 4 ngân hàng yếu kém. Trong đó, có 2 ngân hàng nhận chuyển giao đề xuất được nâng tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại ngân hàng lên 49%. Do đó hoạt động M&A trong nước nhiều khả năng sẽ tiếp tục sôi động mặc dù kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn và thách thức.

Nguồn: BSC Research

**Nhận xét:** Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ thống tài chính trong nước, giảm thiểu chi phí vốn thông qua việc đa dạng hóa rủi ro cũng như thúc đẩy cải cách thể chế, tăng cường cơ chế giám sát của cơ quan quản lý. Tuy nhiên, với đặc tính ra vào rất nhanh của dòng vốn này có thể sẽ khiến hệ thống tài chính dễ bị tổn thương hơn khi phải gặp các cú sốc lớn. Với quy mô 100 triệu dân cùng nền kinh tế năng động với tiềm năng tăng trưởng cao, hội nhập ngày một sâu rộng với thế giới – Việt Nam được đánh giá sẽ tiếp tục là điểm đến lý tưởng cho hoạt động đầu tư của NĐTNN trong thời gian tới. Mặt khác, trong trường hợp Việt Nam được MSCI và FTSE xem xét nâng hạng lên TTCK mới nổi thị trường chứng khoán hứa hẹn sẽ có khả năng đón nhận dòng vốn từ 3.5 – 4 tỷ USD từ các Quỹ đầu tư chủ động, quỹ ETF bên cạnh các lợi ích lớn lao ở các lĩnh vực, hoạt động khác.

### Tham khảo các báo cáo khác:

- Báo cáo “Việt Nam và câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán: [Link](#)
- Báo cáo Vĩ mô thị trường 2023: [Link](#)

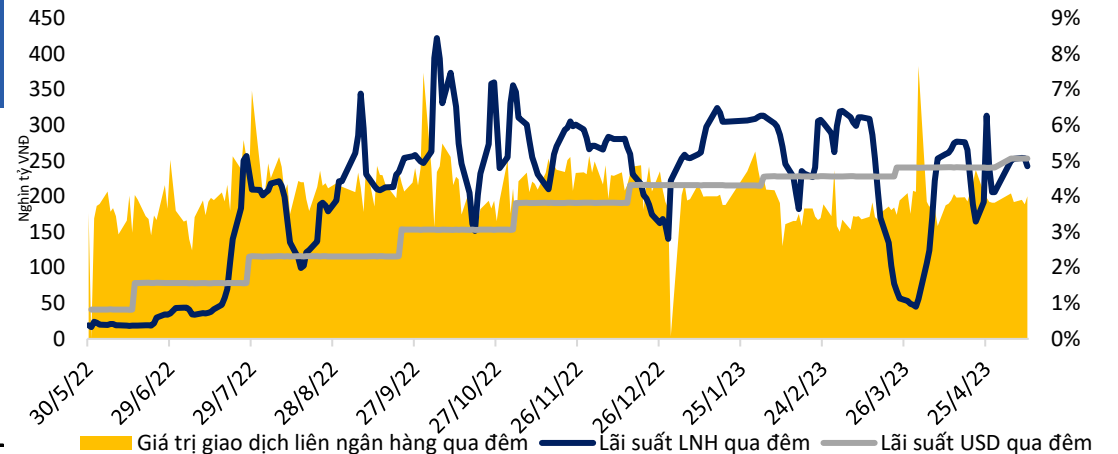
# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

## Giao dịch tín phiếu trên OMO:

| Tuần    | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Giá trị hút (tỷ VNĐ) | Giá trị bơm (tỷ VNĐ) | Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ) |
|---------|--------------|---------------|----------------------|----------------------|---------------------------|
| Tuần 12 | 20/3/2023    | 24/3/2023     | 2,118.67             | 215.50               | -1,903.17                 |
| Tuần 13 | 27/3/2023    | 31/3/2023     | 0.00                 | 0.00                 | 0.00                      |
| Tuần 14 | 3/4/2023     | 7/4/2023      | 0.00                 | 4,398.93             | 4,398.93                  |
| Tuần 15 | 10/4/2023    | 14/4/2023     | 986.48               | 66,781.34            | 65,794.86                 |
| Tuần 16 | 17/4/2023    | 21/4/2023     | 29,591.92            | 7,285.88             | -22,306.04                |
| Tuần 17 | 24/4/2023    | 28/4/2023     | 6,819.29             | 23,920.82            | 17,101.53                 |
| Tuần 18 | 1/5/2023     | 5/5/2023      | 4,398.93             | 1,757.18             | -2,641.75                 |
| Tuần 19 | 8/5/2023     | 12/5/2023     | 60,572.26            | 5,814.01             | -54,758.25                |

Nguồn: BSC Research

## Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

## Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

|                            | Qua đêm    | 1 tuần  | 2 tuần  | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng |
|----------------------------|------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Lãi suất liên ngân hàng BQ | 5.00%      | 5.14%   | 5.02%   | 5.76%   | 6.82%   | 8.16%   | 8.60%   |
| So với tuần trước          | -0.03%     | 0.01%   | -0.25%  | 0.01%   | 0.40%   | -0.23%  | -0.20%  |
| GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)       | 194,517.67 | 13,890  | 3,774   | 1,805   | 970     | 238     | 3       |
| So với tuần trước          | -1.81%     | -40.37% | -30.94% | 34.95%  | -38.92% | 234.74% | 67%     |

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 10/05/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

**Nhận xét:** Trong tuần 19, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV đã thực hiện mua 5.81 nghìn tỷ giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã hút ròng 54.76 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.00%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 194.52 nghìn tỷ VNĐ

# PTKT VN-INDEX: VN-Index vượt qua các đường SMA và hướng về cản tại 1,080 – 1,100 điểm

**Đồ thị ngày:** Xu hướng phục hồi xuất hiện với cây nến chỉ hướng Maruboru cùng thanh khoản cải thiện đầu tuần. Vận động thị trường sau đó khá tích cực và đã vượt qua các đường trung bình động SMA20, 50 và 100. Diễn biến tích cực mang tính bất ngờ đến từ dòng vốn ngoại đảo chiều và tập trung vào các mã vốn hóa lớn. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện rõ rệt trong quá trình chỉ số tiếp xúc kênh trên của dải bollinger band.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng mạnh từ 43 lên 60 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản cải thiện nhẹ so tuần trước.
- VN-Index vượt qua SMA20, 50 và SMA100.

**Nhận định:** VN-Index không giảm trở lại về 1,030 điểm để tạo mô hình 2 đáy mà bật tăng xác lập mô hình tăng điểm morning doji star ngay trong phiên đầu tuần. Đà tăng tiếp tục được củng cố khi chỉ số kiểm tra và giữ trên SMA100 trong phiên 9/5 và tiếp tục mở rộng đà tăng trong phiên tiếp theo. Với vận động giá hiện tại, VN-Index đang đi theo mẫu hình chữ V với giá mục tiêu tại 1,080 điểm trong tuần tới. Dù vậy chúng tôi, vẫn lưu ý VN-Index vẫn đi ngang trong kênh giá 1,050 ± 30 điểm kể từ đầu năm. Hoạt động chốt lãi sẽ diễn ra mạnh tại kênh giá trên của vùng tích lũy và kéo chỉ số trở lại mức quân bình nếu không có biến động mang tính đột phá.



Nguồn: BSC Research

# TIN VĨ MÔ: *NHNN sẽ cân nhắc giảm lãi suất điều hành*

## VIỆT NAM:

- Chính phủ: chấp thuận đề xuất giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với tất cả các loại mặt hàng theo đề xuất của Bộ Tài chính.
- Thủ tướng: có chỉ thị 12/CT-TTg yêu cầu ngay trong T5.2023, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp lý phải có phương án xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng đã kéo dài nhiều năm.
- Phó Thủ tướng: nêu rõ việc tái cơ cấu, đưa EVN trở thành tập đoàn mạnh trong lĩnh vực năng lượng trong cuộc họp sáng 11/5.
- Thống đốc NHNN: sẽ cân nhắc giảm lãi suất điều hành, với lãi suất cho vay quanh 10%/năm, doanh nghiệp khó có thể phục hồi.
- NHNN: sẽ “can thiệp sớm” khi một ngân hàng bị rút tiền hàng loạt dẫn đến mất khả năng chi trả, hoặc có lỗ lũy kế lớn hơn 20% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ.
- NHNN: trong 4 tháng đầu năm tín dụng bất động sản tăng 9.78%, trong khi tín dụng chung của nền kinh tế tăng 3.24%.
- NHNN: có văn bản số 3205 gửi các TCTD yêu cầu tăng cường rà soát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động phát hành thư tín dụng (L/C) nội địa (đặc biệt là UPAS L/C nội địa), đảm bảo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ (lưu ý lĩnh vực BĐS, xây dựng).
- Bộ Tài chính: sẽ có tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá.
- Bộ Tài chính: đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu đơn đốc các DN có vốn Nhà nước thực hiện gửi dữ liệu báo cáo tài chính năm 2022 lên Hệ thống trước ngày 15/5.
- VBMA: trong tháng 4 có tổng cộng khoảng 13.4 ngàn tỷ đồng TPDN được mua lại trước hạn, qua đó giá trị mua lại lũy kế từ đầu năm tới nay lên 49.5 ngàn tỷ đồng.
- Standard Chartered hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam xuống 6.5% từ mức 7.2% trước đó. Các yếu tố tác động từ bên ngoài được cân nhắc xem xét thận trọng hơn.
- Theo trang tin Apple Insider, Foxconn – mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Apple – dường như đang muốn mở rộng hoạt động, với việc chi tiền để mua quyền sử dụng đất ở Nghệ An.

## THẾ GIỚI:

- FED: báo cáo ổn định tài chính đầu tiên kể từ khi bốn ngân hàng khu vực sụp đổ cho thấy lãi suất cao và căng thẳng địa chính trị là một trong những rủi ro ngắn hạn.
- Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ sẽ gặp gỡ giám đốc điều hành JPMorgan và Citigroup vào tuần tới. Chủ đề thảo luận sẽ chủ yếu xoay quanh các giao dịch để tránh vỡ nợ.
- Bài phát biểu của quan chức Fed: không có lý do gì để cắt giảm lãi suất trong năm nay, và Fed có thể tăng lãi suất trở lại nếu cần thiết.
- Hoa Kỳ: vào tháng 4, chỉ số niềm tin của doanh nghiệp nhỏ đã giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 10 năm (ở mức 89.0), nhưng không gặp khó khăn gì trong việc xin tín dụng.
- Chủ tịch Hạ viện Hoa Kỳ: thỏa thuận trần nợ về nguyên tắc cần đạt được trước tuần sau, ông từ chối gia hạn thỏa thuận trần nợ ngắn hạn đến ngày 30/9.
- Hoa Kỳ: CPI tháng 4/2023 +0.4% MoM (khớp với dự báo), +4.9% YoY (dự báo: +5.0% YoY). CPI lõi +0.4% MoM, +5.5% YoY, khớp với dự báo.
- Hoa Kỳ: Thặng dư ngân sách ngân sách 176 tỷ USD, thấp hơn dự báo 235 tỷ USD.
- Hoa Kỳ: Vấn đề về trần nợ tại Hoa Kỳ vẫn chưa được giải quyết. Hoa Kỳ chỉ còn 2 tuần để tăng trần nợ.
- ECB: thành viên hội đồng thống đốc cho biết lạm phát vẫn có quán tính tăng mạnh, giá lương thực và lạm phát cơ bản vẫn tăng.
- Trung Quốc: XK tháng 4 tăng 8.5% svck (dự kiến +8.0%), NK tháng 4 giảm -7.9% (dự kiến -0.2%). thiệp mạnh mẽ để xoa dịu những người nắm giữ tiền gửi và tăng tính thanh khoản của ngân hàng, và hiện các ngân hàng đã có lượng tiền gửi ổn định.
- Đức: chỉ số sản xuất công nghiệp T3 giảm -3.4% MoM (dự kiến -1.3%) mức giảm nhiều hơn dự kiến ,ột phần do hoạt động sản xuất suy yếu trong lĩnh vực oto.

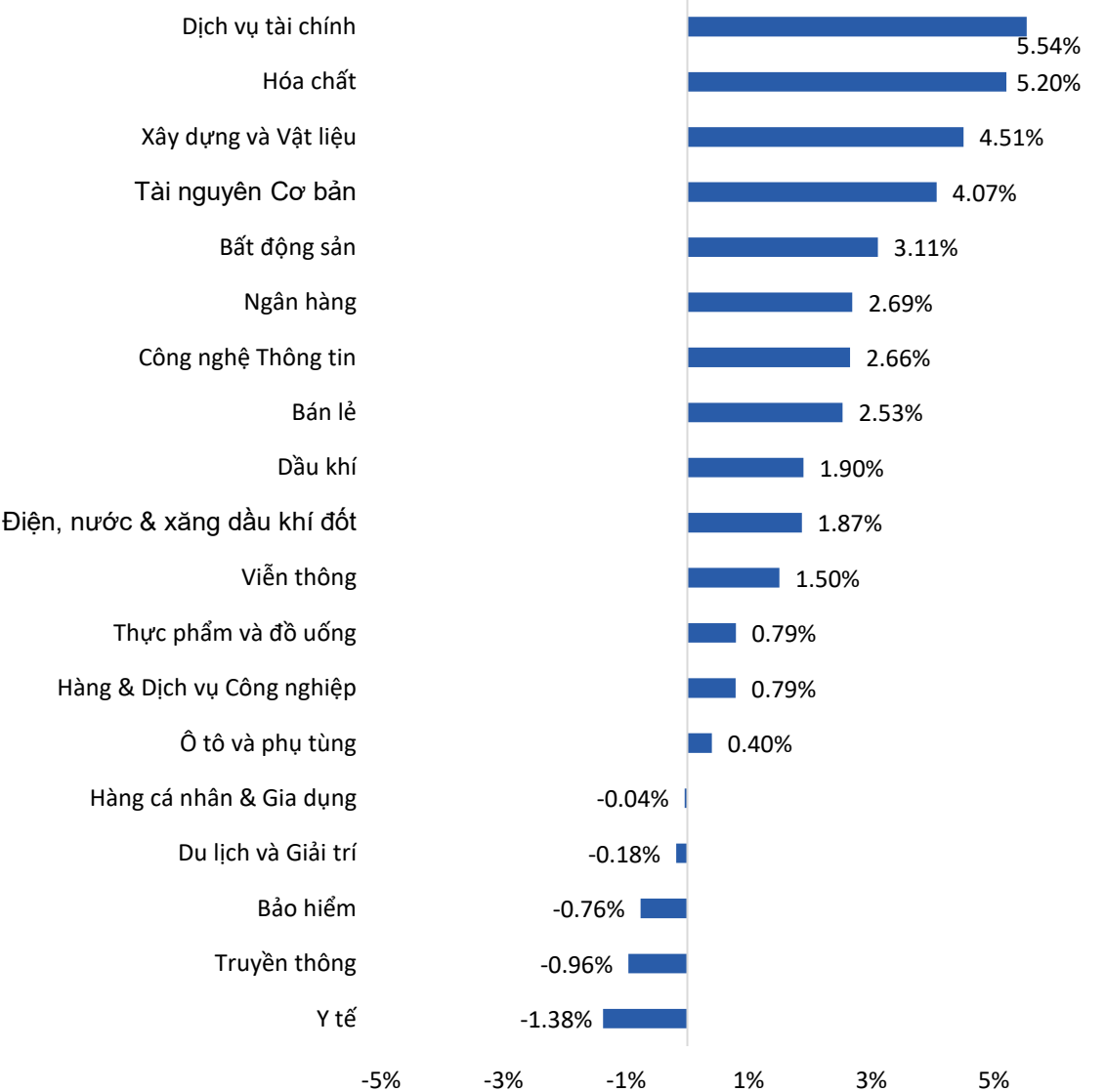
## THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Hoạt động mua vào của quỹ ngoại;
- Hợp đồng tương lai F2305 đáo hạn vào 18/5;
- 15/5, Chỉ số sản xuất công nghiệp EU; Biên bản chính sách tiền tệ Anh. 16/5, Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán lẻ và chỉ số thất nghiệp Trung Quốc; GDP lần đầu và thất nghiệp EU; CPI Canada; Doanh thu bán lẻ Hoa Kỳ. 17/5, CPI ECB; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 18/5, Tỷ lệ thất nghiệp Australia; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và Doanh thu nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 19/5, Doanh thu bán lẻ Canada; Cuộc họp G7.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

| Ngành                | % Ngày | %Tuần | % Tháng | CP tiêu biểu |       |     |       |
|----------------------|--------|-------|---------|--------------|-------|-----|-------|
| Dịch vụ tài chính    | 2.48%  | 5.54% | 4.76%   | SSI          | 8.39% | HCM | 4.41% |
| Hóa chất             | 0.18%  | 5.20% | 1.70%   | DRC          | 2.63% | DGC | 0.78% |
| Xây dựng và Vật liệu | 1.25%  | 4.51% | 4.29%   | CTD          | 8.39% | HT1 | 2.12% |
| Tài nguyên Cơ bản    | 2.35%  | 4.07% | 6.29%   | HPG          | 4.20% | HSG | 4.82% |
| Bất động sản         | 1.74%  | 3.11% | -0.59%  | VHM          | 4.49% | KDH | 0.33% |

| Mặt hàng  | Đơn vị   | Giá      | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 70.04    | -1.17% | -1.82% | -15.71% | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 74.17    | -1.08% | -1.50% | -14.50% | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| Xăng      | USd/gal. | 243.02   | -1.12% | 2.15%  | -13.65% | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 2,010.77 | -0.21% | -0.30% | -0.21%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 23.97    | -0.89% | -6.61% | -6.01%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USd/bu.  | 1,390.00 | -1.10% | -3.24% | -5.59%  | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mì    | USd/bu.  | 635.00   | 1.24%  | -3.82% | -7.57%  |                    | AFX                |
| Sữa       | USD/cwt  | 16.57    | -2.01% | -2.47% | -9.85%  | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| Cao su    | JPY/kg   | 208.90   | -0.29% | -2.02% | 1.46%   | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| Đường     | USd/lb.  | 26.22    | 0.77%  | -0.38% | 12.34%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 182.85   | -0.08% | -2.77% | -3.00%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| Đồng      | USD/MT   | 8,253.00 | 1.10%  | -2.83% | -6.22%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| Thép      | CNY/MT   | 3,595.00 | -1.10% | -2.04% | -9.74%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| Nhôm      | USD/MT   | 2,231.50 | 0.93%  | -2.43% | -4.37%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 696.00   | -2.11% | -1.28% | -12.07% |                    | HPG                |
| Than đá   | USD/MT   | 163.00   | 1.81%  | -3.26% | -20.84% | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |
| Thép HRC  | CNY/MT   | 524.12   | -1.56% | -2.95% | -11.38% | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

| Top tăng điểm số VN-Index |        |         |
|---------------------------|--------|---------|
| Mã                        | % tăng | Điểm số |
| VCB                       | 3.34%  | 3.55    |
| VHM                       | 4.49%  | 2.40    |
| BID                       | 3.57%  | 1.96    |
| HPG                       | 4.20%  | 1.31    |
| GVR                       | 8.39%  | 1.30    |
| VIC                       | 1.97%  | 0.95    |
| STB                       | 7.41%  | 0.87    |
| SSI                       | 8.39%  | 0.68    |
| CTG                       | 1.97%  | 0.66    |
| PGV                       | 11.00% | 0.65    |
| Tổng                      |        | 14.34   |

| Top giảm điểm số VN-Index |        |         |
|---------------------------|--------|---------|
| Mã                        | % giảm | Điểm số |
| SAB                       | -0.97% | -0.26   |
| SSB                       | -1.43% | -0.23   |
| HVN                       | -2.36% | -0.17   |
| DHG                       | -3.68% | -0.14   |
| BCM                       | -0.51% | -0.10   |
| PNJ                       | -1.57% | -0.10   |
| PLX                       | -0.66% | -0.08   |
| GMD                       | -1.80% | -0.07   |
| TMS                       | -3.21% | -0.05   |
| VHC                       | -1.14% | -0.03   |
| Tổng                      |        | -1.22   |

| Khối ngoại mua ròng |          |       |
|---------------------|----------|-------|
| Mã                  | Mua ròng | SHNN  |
| SSI                 | 195.49   |       |
| HPG                 | 144.94   | 24.14 |
| VND                 | 111.18   |       |
| STB                 | 104.89   | 25.69 |
| VRE                 | 48.10    | 32.94 |
| HDG                 | 35.34    | 20.78 |
| CEO                 | 34.20    | 4.24  |
| POW                 | 31.05    | 7.54  |
| VNM                 | 25.69    | 55.44 |
| PHR                 | 23.07    | 14.70 |
| Tổng                | 753.95   |       |

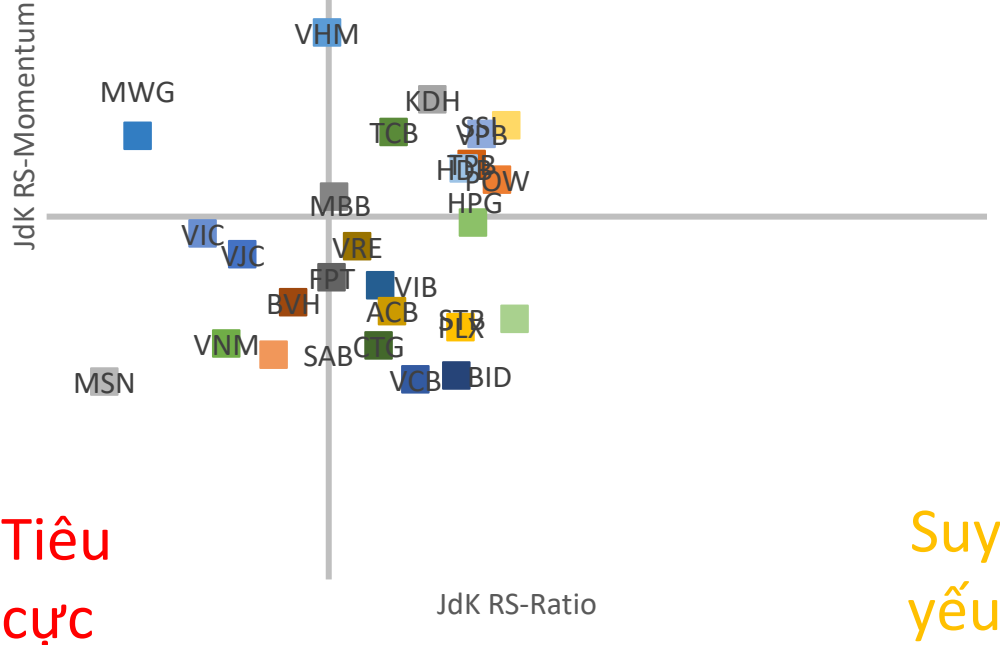
| Khối ngoại bán ròng |          |       |
|---------------------|----------|-------|
| Mã                  | Mua ròng | SHNN  |
| CTG                 | -281.68  | 27.97 |
| DPM                 | -75.16   | 17.38 |
| VPB                 | -65.20   | 17.61 |
| GMD                 | -55.19   | 47.66 |
| HHV                 | -48.09   | 3.11  |
| TV2                 | -42.06   | 14.32 |
| E1VFN3              | -38.66   |       |
| PVT                 | -37.33   | 17.09 |
| SAB                 | -35.02   | 62.53 |
| FUEVFN              | -32.00   |       |
| Tổng                | -710.39  |       |

| Vận động cổ phiếu VN30 |          |          |         |
|------------------------|----------|----------|---------|
| POW                    | 108.962  | 101.0087 | 13.08%  |
| KDH                    | 105.5206 | 103.2258 | 13.91%  |
| BVH                    | 98.12211 | 97.63301 | -8.00%  |
| TPB                    | 107.6125 | 101.4456 | 10.96%  |
| MBB                    | 100.2974 | 100.5459 | 4.48%   |
| TCB                    | 103.4682 | 102.327  | 9.12%   |
| HDB                    | 107.1986 | 101.3162 | 4.86%   |
| GVR                    | 103.2936 | 105.0132 | 15.46%  |
| SSI                    | 109.4574 | 102.5117 | 23.02%  |
| VPB                    | 108.1523 | 102.2729 | 18.26%  |
| VHM                    | 99.92749 | 105.0667 | 19.77%  |
| PDR                    | 75.82709 | 131.1422 | 26.82%  |
| NVL                    | 59.82322 | 139.3644 | 14.64%  |
| MWG                    | 89.84701 | 102.2234 | -9.30%  |
| PLX                    | 107.0281 | 96.94594 | -1.70%  |
| VIB                    | 102.7474 | 98.10158 | -0.11%  |
| FPT                    | 100.1687 | 98.32011 | -0.37%  |
| VRE                    | 101.5259 | 99.17492 | 0.54%   |
| BID                    | 106.8024 | 95.61049 | 0.00%   |
| CTG                    | 102.6595 | 96.44626 | -1.73%  |
| HPG                    | 107.6843 | 99.83324 | 8.50%   |
| ACB                    | 103.3803 | 97.38771 | 0.60%   |
| VCB                    | 104.619  | 95.51017 | -0.22%  |
| STB                    | 109.9003 | 97.17377 | 9.84%   |
| VJC                    | 95.42182 | 98.95205 | -5.45%  |
| VNM                    | 94.57036 | 96.49441 | -7.81%  |
| SAB                    | 97.0897  | 96.1833  | -11.90% |
| MSN                    | 88.08319 | 95.44529 | -18.24% |
| VIC                    | 93.30545 | 99.52608 | -2.45%  |
| GAS                    | 93.62448 | 96.66021 | -13.55% |

Hồi  
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích  
cực



Nguồn: Bloomberg

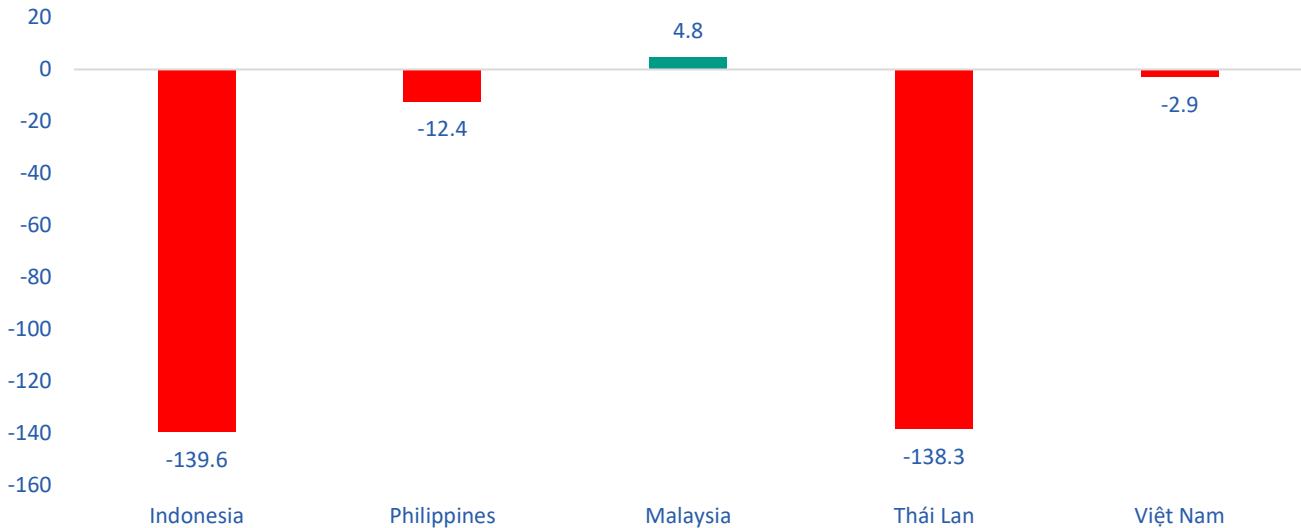
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng tiền

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

|                | WTD     | MTD     | QTD     | YTD       |
|----------------|---------|---------|---------|-----------|
| Khu vực châu Á |         |         |         |           |
| ASEAN 5        | (288.4) | (421.5) | 46.1    | (1,876.5) |
| Indonesia      | -139.6  | -189.6  | 638.6   | 1084      |
| Philippines    | -12.4   | -55.1   | -20.8   | -539.1    |
| Malaysia       | 4.8     | 0.2     | -55.9   | -478.8    |
| Thái Lan       | -138.3  | -150.5  | -381.4  | -2027     |
| Việt Nam       | -2.9    | -26.5   | -134.4  | 84.4      |
| Các nước       | 531.0   | 1,197.8 | 1,186.8 | 12,144.9  |
| Hàn Quốc       | -30.6   | 71.5    | 687.5   | 6157.1    |
| Đài Loan       | -469.6  | -911.8  | -3464.6 | 4505.6    |
| An Độ          | 1031.3  | 2038.3  | 3961.3  | 1478.8    |
| Sri Lanka      | -0.1    | -0.2    | 2.6     | 3.4       |



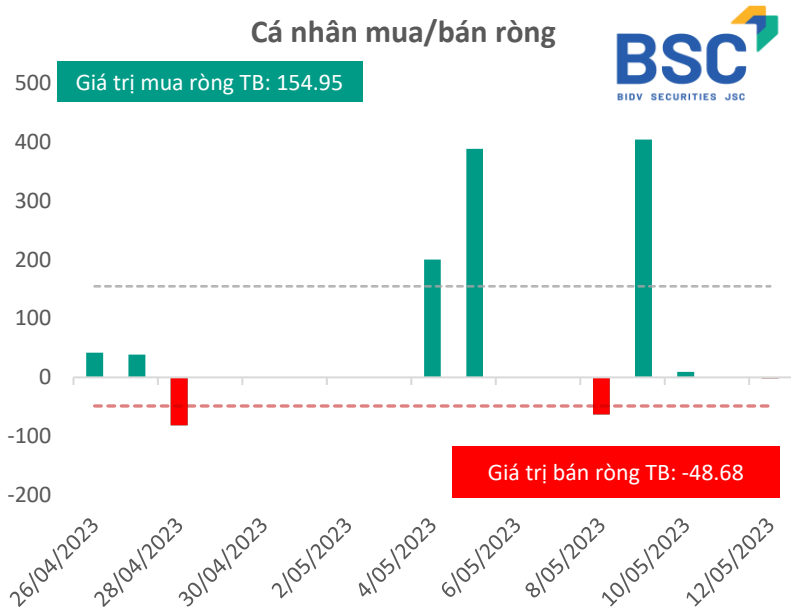
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

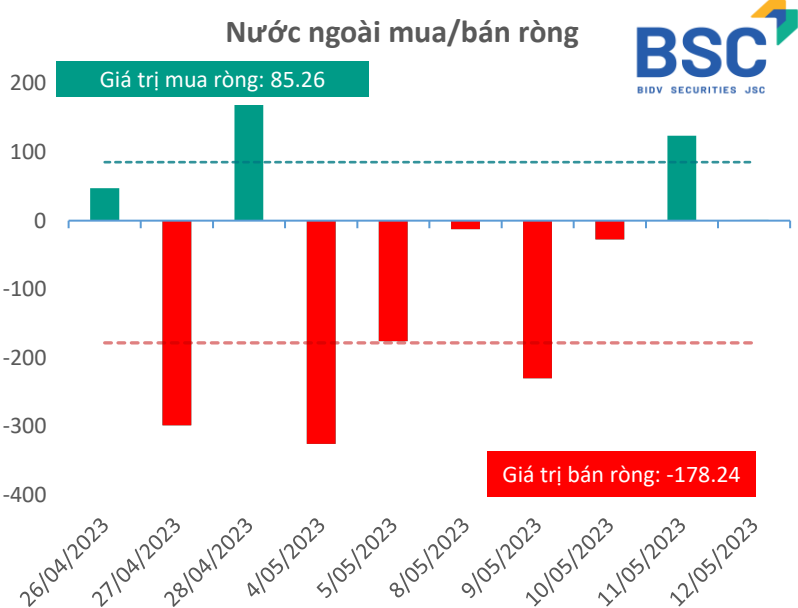
|           | Jan-23 |       |       |       |       |       |         | Mar-23 |         |        |        |        |        |        |        |        | May-23  |         |         |        |  |
|-----------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|---------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|--------|--|
|           | W1     | W2    | W3    | W4    | W5    | W6    | W7      | W8     | W9      | W10    | W11    | W12    | W13    | W14    | W15    | W16    | W17     | W18     | W19     | Tổng   |  |
|           | 79.18  | 61.48 | 94.85 | 13.93 | 65.02 | 15.39 | 4.01    | (9.31) | (5.97)  | 7.24   | 16.43  | 30.15  | 16.53  | 3.86   | (5.40) | (0.51) | (30.73) | (31.16) | (16.97) | 308.02 |  |
| ETF ngoại | 71.96  | 40.89 | 77.56 | 10.65 | 46.77 | 15.39 | (1.69)  | (7.95) | 5.38    | 8.24   | 24.01  | 35.68  | 20.38  | 4.16   | 0.89   | 0.10   | (23.28) | (31.16) | (8.27)  | 289.71 |  |
| Fubon     | 1.48   | -     | -     | -     | -     | -     | -       | -      | -       | -      | 17.81  | 32.21  | 14.88  | (0.94) | 0.18   | 3.86   | 0.73    | 0.36    | 1.10    | 71.67  |  |
| VNM       | 19.48  | 30.72 | 35.29 | 0.00  | 3.11  | 0.00  | 0.59    | 0.00   | 1.15    | 4.00   | 0.00   | 0.00   | 0.00   | 0.00   | (1.85) | (4.82) | (18.46) | (1.20)  | (4.26)  | 63.75  |  |
| FTSE      | 6.31   | 2.40  | 14.58 | -     | 4.33  | 8.90  | 10.47   | 0.90   | 4.23    | 4.24   | -      | (3.89) | 0.52   | -      | 2.56   | 1.06   | 0.77    | 0.00    | 0.00    | 57.38  |  |
| iShare    | 44.69  | 7.77  | 27.69 | 10.65 | 39.33 | 6.49  | (12.75) | (8.85) | -       | -      | 6.20   | 7.36   | 4.98   | 5.10   | 0.00   | 0.00   | (6.32)  | (30.32) | (5.11)  | 96.91  |  |
| ETF nội   | 7.22   | 20.59 | 17.29 | 3.28  | 18.25 | -     | 5.70    | (1.36) | (11.35) | (1.00) | (7.58) | (5.53) | (3.85) | (0.30) | (6.29) | (0.61) | (7.45)  | -       | (8.70)  | 18.31  |  |
| Diamond   | 3.44   | 8.34  | 3.90  | 1.24  | 14.87 | -     | -       | -      | (5.89)  | (1.10) | (2.74) | (3.00) | (3.00) | (0.10) | (6.16) | (0.29) | (5.00)  | -       | (1.89)  | 2.62   |  |
| E1        | 1.60   | 7.97  | 13.39 | 2.04  | 3.38  | -     | 5.70    | (1.55) | (4.07)  | 0.82   | (4.06) | (1.10) | 0.50   | (0.55) | 0.08   | 0.08   | (1.51)  | -       | (6.88)  | 15.84  |  |
| Finlead   | 2.18   | 4.28  | -     | -     | -     | -     | -       | 0.19   | (1.39)  | (0.72) | (0.78) | (1.43) | (1.35) | 0.35   | (0.21) | (0.40) | (0.94)  | -       | 0.07    | (0.15) |  |

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến dòng tiền

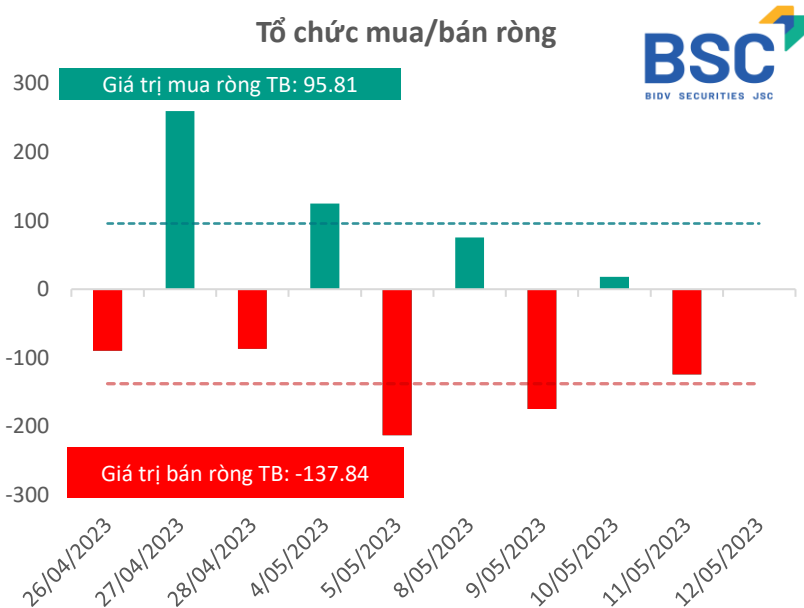
Cá nhân mua/bán ròng



Nước ngoài mua/bán ròng



Tổ chức mua/bán ròng



| Tự doanh     |            |         |              |            |         | NĐTNN        |            |         |              |            |         | Cá nhân      |            |         |              |            |         |
|--------------|------------|---------|--------------|------------|---------|--------------|------------|---------|--------------|------------|---------|--------------|------------|---------|--------------|------------|---------|
| Top mua ròng |            |         | Top bán ròng |            |         | Top mua ròng |            |         | Top bán ròng |            |         | Top mua ròng |            |         | Top bán ròng |            |         |
| Mã CK        | Khối lượng | Giá trị | Mã CK        | Khối lượng | Giá trị | Mã CK        | Khối lượng | Giá trị | Mã CK        | Khối lượng | Giá trị | Mã CK        | Khối lượng | Giá trị | Mã CK        | Khối lượng | Giá trị |
| FUEVFN30     | 4,219,600  | 93.54   | SJS          | 1,120,000  | -46.48  | SSI          | 8,710,600  | 195.49  | CTG          | 10,042,600 | -281.68 | VJC          | 2,539,873  | 244.96  | SSI          | 11,766,990 | -263.75 |
| E1VFN30      | 2,011,500  | 35.78   | STB          | 1,174,100  | -31.05  | HPG          | 6,628,000  | 144.94  | DPM          | 2,266,600  | -75.16  | CTG          | 7,437,601  | 208.35  | HPG          | 8,617,014  | -188.23 |
| CTG          | 1,071,899  | 30.11   | HDG          | 889,300    | -30.96  | VND          | 7,103,700  | 111.18  | VPB          | 3,310,100  | -65.20  | NVL          | 8,373,475  | 112.50  | STB          | 6,674,316  | -174.32 |
| VHM          | 166,600    | 8.53    | PET          | 900,008    | -22.64  | STB          | 3,993,900  | 104.89  | GMD          | 1,102,400  | -55.19  | VCG          | 4,902,700  | 96.95   | VRE          | 4,764,000  | -132.02 |
| FUESSVFL     | 444,600    | 7.13    | TCB          | 770,901    | -22.50  | VRE          | 1,724,000  | 48.10   | HHV          | 3,616,100  | -48.09  | DPM          | 2,158,590  | 71.55   | VND          | 7,388,730  | -115.67 |
| NLG          | 207,900    | 6.85    | HPG          | 1,022,900  | -22.14  | HDG          | 1,013,300  | 35.34   | TV2          | 1,582,800  | -42.06  | HHV          | 4,198,320  | 55.76   | POW          | 4,886,400  | -65.07  |
| FPT          | 76,399     | 6.05    | VIC          | 271,301    | -13.75  | POW          | 2,326,700  | 31.05   | E1VFN30      | 2,155,800  | -38.66  | GAS          | 552,813    | 51.29   | SBT          | 3,253,400  | -53.28  |
| VIB          | 247,000    | 5.00    | VCB          | 119,000    | -10.94  | VNM          | 357,000    | 25.69   | PVT          | 1,806,000  | -37.33  | KDH          | 1,609,100  | 48.08   | BID          | 909,809    | -40.95  |
| ASM          | 500,000    | 4.54    | OPC          | 455,145    | -10.60  | PHR          | 548,100    | 23.07   | SAB          | 212,300    | -35.02  | SJS          | 1,120,150  | 46.49   | PLX          | 976,337    | -37.00  |
| KOS          | 100,000    | 3.84    | MSN          | 133,300    | -9.82   | HDB          | 1,186,600  | 22.75   | FUEVFN30     | 1,443,200  | -32.00  | TV2          | 1,572,300  | 41.78   | CLW          | 1,103,940  | -27.77  |

# DANH MỤC BSC 30

| Cổ phiếu | Ngành             | Giá đóng cửa (nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa (triệu USD) | Thanh khoản (triệu USD) | EPS (VND) | P/E   | Giá mục tiêu (VND) | NN sở hữu | Link                 |
|----------|-------------------|--------------------------|--------|------|---------------------|-------------------------|-----------|-------|--------------------|-----------|----------------------|
| VCB      | Ngân hàng         | 92.8                     | 1.98%  | 0.87 | 19,094.68           | 2.84                    | 7,311.00  | 12.69 | 105,000            | 23.59%    | <a href="#">Link</a> |
| BID      | Ngân hàng         | 45                       | 0.00%  | 1.01 | 9,897.11            | 0.83                    | 4,208.00  | 10.69 | 54,578             | 17.28%    | <a href="#">Link</a> |
| VPB      | Ngân hàng         | 19.75                    | -0.25% | 1.15 | 5,764.60            | 6.44                    | 3,972.00  | 4.97  | 23,685             | 28.09%    | <a href="#">Link</a> |
| TCB      | Ngân hàng         | 29.3                     | 0.69%  | 1.38 | 4,480.66            | 3.33                    | 14,982.00 | 1.96  |                    | 17.64%    | <a href="#">Link</a> |
| MBB      | Ngân hàng         | 18.65                    | 0.81%  | 1.43 | 3,676.47            | 5.87                    | 14,982.00 | 1.24  | 24,400             | 17.64%    | <a href="#">Link</a> |
| STB      | Ngân hàng         | 26.8                     | 1.52%  | 1.30 | 2,196.69            | 19.10                   | 4,640.00  | 5.78  | 31,200             | 30.00%    | <a href="#">Link</a> |
| GVR      | BĐS KCN           | 16.8                     | 0.60%  | 1.10 | 2,921.74            | 3.14                    | 4,603.00  | 3.65  | 19,100             | 23.23%    | <a href="#">Link</a> |
| KBC      | BĐS KCN           | 28                       | 1.45%  | 1.65 | 934.48              | 11.03                   | 4,880.00  | 5.74  | 29,800             | 29.17%    | <a href="#">Link</a> |
| IDC      | BĐS KCN           | 39.9                     | 0.76%  | 1.69 | 572.48              | 5.59                    |           |       | 52,400             | 42.84%    | <a href="#">Link</a> |
| VGC      | BĐS KCN           | 37.95                    | 2.57%  | 1.57 | 739.78              | 3.04                    | 1,217.00  | 31.18 |                    | 0.55%     | <a href="#">Link</a> |
| HPG      | Vật liệu xây dựng | 22.35                    | 2.76%  | 1.00 | 5,650.45            | 43.62                   | 1,916.00  | 11.66 | 25,000             | 23.42%    | <a href="#">Link</a> |
| VHM      | Vật liệu xây dựng | 51.2                     | 4.17%  | 0.88 | 9,693.20            | 3.14                    | 1,896.00  | 27.00 | 68,300             | 10.63%    | <a href="#">Link</a> |
| VRE      | BĐS               | 28                       | 0.36%  | 1.15 | 2,781.12            | 4.00                    | 5,227.00  | 5.39  | 36,200             | 23.92%    | <a href="#">Link</a> |
| KDH      | BĐS               | 30.3                     | 1.17%  | 0.40 | 944.35              | 2.63                    | 1,576.00  | 19.23 | 37,700             | 32.47%    | <a href="#">Link</a> |
| NLG      | BĐS               | 33.85                    | 1.50%  | 1.53 | 565.27              | 3.05                    | 2,557.00  | 13.24 | 38,100             | 44.94%    | <a href="#">Link</a> |
| DGC      | Phân bón          | 51.8                     | -0.77% | 1.50 | 855.33              | 3.37                    | 14,120.00 | 3.67  | 60,500             | 18.41%    | <a href="#">Link</a> |
| DPM      | Dầu khí           | 33.3                     | -0.30% | 1.31 | 566.58              | 2.18                    | 6,793.00  | 4.90  | 42,000             | 3.01%     | <a href="#">Link</a> |
| DCM      | Dầu khí           | 24.25                    | -0.41% | 0.80 | 558.17              | 1.79                    | 2,625.00  | 9.24  | 29,000             | 18.11%    | <a href="#">Link</a> |
| GAS      | Dầu khí           | 92.5                     | 0.33%  | 0.78 | 7,697.41            | 1.06                    | 2,292.00  | 40.36 | 122,300            | 41.13%    | <a href="#">Link</a> |
| PLX      | Dầu khí           | 37.55                    | -0.53% | 1.12 | 2,074.38            | 0.90                    | 1,340.00  | 28.02 | 45,000             | 20.38%    | <a href="#">Link</a> |
| PVS      | Dầu khí           | 26.3                     | 0.77%  | 1.32 | 546.54              | 4.14                    | 993.00    | 26.49 | 33,000             | 6.25%     | <a href="#">Link</a> |
| PVD      | Dầu khí           | 22.45                    | 0.67%  | 1.53 | 542.59              | 3.84                    | 7,698.00  | 2.92  | 26,000             | 49.00%    | <a href="#">Link</a> |
| POW      | Tiện ích          | 13.4                     | 0.75%  | 1.16 | 1,364.39            | 2.82                    | 3,895.00  | 3.44  | 14,500             | 55.81%    | <a href="#">Link</a> |
| VNM      | Bán lẻ            | 69.6                     | -0.57% | 1.20 | 6,324.39            | 3.68                    | 2,605.00  | 26.72 | 84,500             | 30.59%    | <a href="#">Link</a> |
| MSN      | Bán lẻ            | 74.4                     | 0.81%  | 1.10 | 4,605.44            | 1.39                    | 3,456.00  | 21.53 | 96,000             | 49.00%    | <a href="#">Link</a> |
| MWG      | Bán lẻ            | 39                       | 0.78%  | 1.26 | 2,481.38            | 3.41                    | 7,475.00  | 5.22  | 55,200             | 49.00%    | <a href="#">Link</a> |
| PNJ      | Bán lẻ            | 75                       | 0.00%  | 0.75 | 1,069.56            | 1.15                    | 2,965.00  | 25.30 | 95,000             | 29.02%    | <a href="#">Link</a> |
| VHC      | Thủy sản          | 60.8                     | -0.65% | 1.21 | 484.75              | 1.02                    | 12,800.00 | 4.75  | 67,500             | 30.47%    | <a href="#">Link</a> |
| GMD      | Logistics         | 49.1                     | -0.81% | 0.70 | 643.38              | 1.92                    | 7,059.00  | 6.96  | 57,000             | 48.84%    | <a href="#">Link</a> |
| FPT      | Công nghệ         | 80.5                     | 1.77%  | 0.77 | 3,839.59            | 3.76                    | 5,901.00  | 13.64 | 91,900             | 49.00%    | <a href="#">Link</a> |

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

| Cổ phiếu | Ngành       | Giá đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS (VND)  | P/E    | P/B  | NN sở hữu | ROE     |
|----------|-------------|-----------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|------------|--------|------|-----------|---------|
| CTG      | Ngân hàng   | 28.4                        | 0.18%  | 1.20 | 5,934.06               | 4.76                       | 3,520.27   | 8.07   | 1.22 | 27.97%    | 16.13%  |
| ACB      | Ngân hàng   | 25                          | 0.40%  | 1.13 | 3,671.13               | 2.54                       | 4,303.77   | 5.81   | 1.35 | 30.00%    | 26.25%  |
| HDB      | Ngân hàng   | 19.4                        | 1.04%  | 0.95 | 2,121.57               | 1.24                       | 3,148.88   | 6.16   | 1.25 | 19.56%    | 22.62%  |
| LPB      | Ngân hàng   | 13.9                        | 0.36%  | 1.57 | 1,044.98               | 4.76                       | 2,732.22   | 5.09   | 0.95 | 4.60%     | 19.91%  |
| VIB      | Ngân hàng   | 20.5                        | -0.24% | 1.31 | 1,878.58               | 3.96                       | 4,162.83   | 4.92   | 1.33 | 20.50%    | 29.67%  |
| VND      | Chứng khoán | 15.85                       | 1.93%  | 2.10 | 839.24                 | 15.39                      | 489.06     | 32.41  | 1.32 |           | 4.76%   |
| TPB      | Ngân hàng   | 23.55                       | -0.21% | 1.13 | 1,619.58               | 1.82                       | 4,030.07   | 5.84   | 1.11 | 30.00%    | 20.89%  |
| SSI      | chứng khoán | 23.25                       | 3.79%  | 1.75 | 1,515.43               | 27.27                      | 1,119.93   | 20.76  | 1.53 |           | 7.91%   |
| CII      | Xây dựng    | 15.1                        | -0.33% | 1.79 | 165.59                 | 3.10                       | 217.60     | 69.39  | 0.71 | 9.79%     | 1.02%   |
| C4G      | Xây dựng    | 13.3                        | 3.91%  | 2.06 | 146.07                 | 3.49                       | 790.73     | 16.82  | 1.22 | 0.00%     | 8.20%   |
| CTD      | Xây dựng    | 64.6                        | 4.19%  | 1.84 | 207.45                 | 2.17                       | 183.95     | 351.17 | 0.58 | 49.09%    | 0.16%   |
| HHV      | Xây dựng    | 13.6                        | 1.49%  | 1.63 | 182.01                 | 7.00                       | 966.26     | 14.07  | 0.58 | 3.11%     | 3.89%   |
| LCG      | Xây dựng    | 13                          | 3.23%  | 2.07 | 105.54                 | 6.44                       | 780.72     | 16.40  | 0.95 | 3.31%     | 5.90%   |
| BCM      | KCN         | 77.5                        | 0.00%  | 0.93 | 3,487.50               | 0.31                       | 1,170.44   | 66.21  | 4.73 | 2.81%     | 8.07%   |
| HUT      | KCN         | 17.2                        | 0.58%  | 1.52 | 260.72                 | 1.71                       | 161.84     | 106.28 | 1.54 | 1.96%     | 1.44%   |
| PHR      | KCN         | 42.3                        | 0.83%  | 1.43 | 249.20                 | 0.84                       | 6,038.56   | 7.00   | 1.63 | 14.70%    | 24.10%  |
| SZC      | KCN         | 34.65                       | 0.43%  | 1.83 | 150.65                 | 1.55                       | 1,323.36   | 26.18  | 2.24 | 3.03%     | 8.95%   |
| HSG      | Vật liệu    | 16.3                        | 1.24%  | 2.12 | 423.84                 | 10.87                      | (1,753.53) |        | 0.94 | 16.83%    | -9.62%  |
| HT1      | Vật liệu    | 14.45                       | 1.40%  | 1.48 | 239.74                 | 0.51                       | 386.12     | 37.42  | 1.10 | 3.35%     | 2.89%   |
| NKG      | Vật liệu    | 15.4                        | 1.32%  | 2.24 | 176.28                 | 5.25                       | (2,585.96) |        | 0.77 | 12.27%    | -11.84% |
| PTB      | Vật liệu    | 47                          | 1.84%  | 1.00 | 139.03                 | 1.15                       | 6,016.80   | 7.81   | 1.19 | 13.73%    | 19.46%  |
| KSB      | Vật liệu    | 26.05                       | 1.76%  | 1.71 | 86.41                  | 3.96                       | 1,392.77   | 18.70  | 1.02 | 6.68%     | 5.58%   |
| NVL      | BĐS         | 13.7                        | -0.72% | 0.97 | 1,161.58               | 11.12                      | 362.35     | 37.81  | 0.72 | 6.21%     | 1.93%   |
| DXG      | BĐS         | 14.65                       | 1.03%  | 2.20 | 388.56                 | 11.00                      | (239.59)   |        | 0.98 | 20.58%    | -1.63%  |
| HDC      | BĐS         | 34.85                       | -0.85% | 1.44 | 163.77                 | 1.79                       | 3,157.20   | 11.04  | 2.01 | 1.48%     | 20.89%  |
| DIG      | BĐS         | 20.65                       | 0.98%  | 2.49 | 547.54                 | 16.63                      | 261.72     | 78.90  | 1.85 | 5.64%     | 2.12%   |
| IJC      | BĐS         | 14.3                        | 0.70%  | 2.14 | 156.57                 | 2.00                       | 1,661.89   | 8.60   | 0.92 | 5.91%     | 11.25%  |
| BSR      | Dầu khí     | 16.5                        | 0.00%  | 1.61 | 2,224.27               | 4.47                       | 4,750.00   | 3.47   | 1.00 | 41.13%    | 33.16%  |
| PVT      | Dầu khí     | 20.8                        | -0.72% | 1.30 | 292.69                 | 1.80                       | 2,740.01   | 7.59   | 1.09 | 17.09%    | 15.37%  |
| PLC      | Săm lốp     | 34.4                        | 4.24%  | 1.83 | 120.85                 | 1.53                       | 1,355.49   | 25.38  | 2.20 | 0.91%     | 8.19%   |

## DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

| Cổ phiếu | Ngành     | Giá đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS fw<br>(VND) | P/E fw  | P/B  | NN sở hữu | ROE    |
|----------|-----------|-----------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|-----------------|---------|------|-----------|--------|
| DRC      | Tiện ích  | 21.5                        | 0.70%  | 1.31 | 111.05                 | 0.51                       | 2,246.06        | 9.57    | 1.36 | 8.48%     | 14.36% |
| REE      | Tiện ích  | 66.1                        | -0.60% | 0.82 | 1,021.40               | 1.24                       | 7,721.35        | 8.56    | 1.48 | 49.00%    | 18.57% |
| GEX      | Tiện ích  | 14.6                        | 1.04%  | 1.84 | 540.51                 | 6.55                       | 9.99            | 1462.05 | 1.04 | 11.80%    | 0.07%  |
| NT2      | Tiện ích  | 31.15                       | 1.14%  | 0.78 | 389.88                 | 1.48                       | 3,244.99        | 9.60    | 1.97 | 15.73%    | 20.92% |
| HDG      | Tiện ích  | 35                          | 1.16%  | 1.52 | 372.23                 | 2.84                       | 4,718.16        | 7.42    | 1.53 | 20.78%    | 22.63% |
| PC1      | Tiện ích  | 29.5                        | 2.79%  | 1.31 | 346.86                 | 3.89                       | 1,257.41        | 23.46   | 1.55 | 8.17%     | 6.82%  |
| GEG      | Tiện ích  | 16.8                        | 1.51%  | 1.08 | 235.15                 | 1.93                       | 955.97          | 17.57   | 1.75 | 46.50%    | 5.74%  |
| BCG      | Dầu khí   | 8.97                        | 2.99%  | 2.13 | 208.05                 | 4.16                       | 220.40          | 40.70   | 0.72 | 1.96%     | 1.50%  |
| SAB      | Bán lẻ    | 163.9                       | -0.36% | 0.17 | 4,569.83               | 1.07                       | 7,649.00        | 21.43   | 4.36 | 62.53%    | 22.07% |
| QNS      | Bán lẻ    | 45.2                        | 2.03%  | 0.50 | 701.46                 | 1.14                       | 4,226.00        | 10.70   | 1.83 | 19.28%    | 17.50% |
| FRT      | Bán lẻ    | 64.1                        | -0.31% | 1.36 | 330.18                 | 1.52                       | 1,863.00        | 34.41   | 3.79 | 29.58%    | 11.52% |
| DGW      | Bán lẻ    | 34.05                       | -0.73% | 1.66 | 247.34                 | 2.82                       | 3,396.50        | 10.03   | 2.24 | 22.75%    | 24.73% |
| DBC      | Bán lẻ    | 16                          | 3.55%  | 2.00 | 168.88                 | 4.70                       | (1,339.12)      |         | 0.90 | 5.70%     | -7.20% |
| PET      | Bán lẻ    | 25                          | -1.19% | 2.35 | 107.41                 | 1.07                       | 1,025.57        | 24.38   |      |           | 4.26%  |
| BAF      | Bán lẻ    | 22.6                        | 2.26%  |      | 141.02                 | 2.74                       | 1,408.62        | 16.04   | 1.72 | 0.14%     | 11.80% |
| ANV      | Thủy sản  | 32.7                        | 0.00%  | 1.65 | 189.27                 | 1.45                       | 4,368.00        | 7.49    | 1.43 | 6.64%     | 20.07% |
| VSC      | Logistics | 27.85                       | -0.36% | 0.46 | 146.84                 | 0.14                       | 2,086.56        | 13.35   | 1.28 | 3.02%     | 9.43%  |
| HAH      | Logistics | 41.45                       | 2.47%  | 1.06 | 126.77                 | 2.69                       | 9,072.47        | 4.57    | 1.22 | 8.39%     | 34.36% |
| CTR      | Công nghệ | 67.2                        | 1.05%  | 1.33 | 334.21                 | 0.73                       | 4,040.07        | 16.63   | 4.39 | 10.91%    | 29.32% |
| TNG      | Dệt may   | 19.5                        | 0.52%  | 1.72 | 89.12                  | 1.65                       | 2,878.54        | 6.77    | 1.26 | 14.19%    | 19.35% |

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

## **Đối với Khách hàng tổ chức**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## **Đối với Khách hàng cá nhân**

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC



## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

|                                                         |                      |                      |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Họ tên (*)                                              | Ngày sinh (*)        |                      |
| <input type="text"/>                                    | <input type="text"/> |                      |
| CMTND/CCCD (*)                                          | Ngày cấp (*)         | Nơi cấp (*)          |
| <input type="text"/>                                    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| Số điện thoại (*)                                       | Email (*)            |                      |
| <input type="text"/>                                    | <input type="text"/> |                      |
| Địa chỉ liên hệ (*)                                     |                      |                      |
| <input type="text"/>                                    |                      |                      |
| Tỉnh/Thành phố (*)                                      | Quận/Huyện (*)       | Phường/Xã (*)        |
| <input type="text"/>                                    | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
| Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC) |                      |                      |
| <input type="text"/>                                    |                      |                      |

TIẾP TỤC



*Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký*